

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ LAN ANH

**NGƯỜI BỊ HẠI  
TRONG PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM  
(Trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Nguyên)**

*Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự  
Mã số: 60 38 01 04*

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2016**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. LÊ LAN CHI**

***Phản biện 1:*** .....

***Phản biện 2:*** .....

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

*Vào hồi .... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 2016*

**Có thể tìm hiểu luận văn tại**

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

Trang phụ bì

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục các từ viết tắt

Danh mục bảng

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ</b> .....	6
<b>1.1. Khái niệm, đặc điểm người bị hại trong tố tụng hình sự</b> .....	6
1.1.1. Khái niệm.....	6
1.1.2. Đặc điểm của người bị hại .....	10
<b>1.2. Phân loại người bị hại</b> .....	13
1.2.1. Căn cứ vào yếu tố chủ thể.....	13
1.2.2. Căn cứ vào độ tuổi và sự phát triển về nhận thức .....	14
1.2.3. Căn cứ vào các quyền tham gia tố tụng của người bị hại.....	15
1.2.4. Căn cứ vào từng loại tội phạm.....	15
1.2.5. Căn cứ vào thiệt hại.....	16
<b>1.3. Địa vị pháp lý của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự</b> ....	16
1.3.1. Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự .....	17
1.3.2. Nghĩa vụ của người bị hại.....	23
<b>1.4. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới</b> .....	25
1.4.1. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Liên bang Nga .....	25
1.4.2. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức .....	29
1.4.3. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa .....	31
<b>Tiểu kết chương 1</b> .....	32
<b>Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG VIỆT NAM VỀ NGƯỜI BỊ HẠI VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN</b> .....	33
<b>2.1. Lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người bị hại</b> .....	33
2.1.1. Thời kỳ Pháp thuộc .....	33
2.1.2. Thời kỳ từ năm 1945 đến trước năm 1988 .....	36

2.1.3.	Thời kỳ từ năm 1988 đến trước năm 2003 .....	38
2.1.4.	Thời kỳ từ năm 2003 đến nay .....	39
<b>2.2.</b>	<b>Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về người bị hại tại tỉnh Thái Nguyên .....</b>	<b>49</b>
2.2.1.	Tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự của Toà án hai cấp tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây .....	49
2.2.2.	Thực tiễn áp dụng quy định người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên.....	51
<b>2.3.</b>	<b>Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện quy định về người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên .....</b>	<b>60</b>
2.3.1.	Nhận thức về quyền của người bị hại chưa đầy đủ .....	60
2.3.2.	Hệ thống quy phạm pháp luật về người bị hại chưa hoàn thiện....	62
2.3.3.	Cơ chế bảo đảm quyền của người bị hại chưa hiệu quả.....	63
	<b>Tiểu kết Chương 2 .....</b>	<b>65</b>
	<b>Chương 3: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ .....</b>	<b>66</b>
<b>3.1.</b>	<b>Hoàn thiện hệ thống pháp luật .....</b>	<b>66</b>
3.1.1.	Kiến nghị Sửa đổi, bổ sung khái niệm người bị hại .....	66
3.1.2.	Kiến nghị bổ sung, sửa đổi khoản 2 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về một số quyền, nghĩa vụ cơ bản của người bị hại.....	67
3.1.3.	Bổ sung quy định về quyền được trợ giúp pháp lý cho người bị hại .....	72
<b>3.2.</b>	<b>Một số giải pháp khác.....</b>	<b>73</b>
3.2.1.	Nâng cao nhận thức về quyền của người bị hại.....	73
3.2.2.	Thực hiện hiệu quả Thông tư 13/2013/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC về bảo vệ người làm chứng, người bị hại, người tố giác tội phạm .....	73
3.2.3.	Nâng cao trình độ pháp lý nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người tiến hành tố tụng .....	74
3.2.4.	Xã hội hoá các biện pháp hỗ trợ người bị hại.....	74
	<b>Tiểu kết Chương 3 .....</b>	<b>76</b>
	<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>78</b>
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>81</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Người bị hại (NBH) là người bị tội phạm gây thiệt hại về thể chất, về tinh thần hoặc về tài sản do tội phạm gây ra. Trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, người bị hại là chủ thể cần được quan tâm đặc biệt bởi họ không chỉ có vai trò làm sáng tỏ sự thật của vụ án, mà họ còn là đối tượng có nguy cơ tổn thương “kép” do họ là người bị tội phạm trực tiếp gây thiệt hại, phải gánh chịu những hậu quả do tội phạm gây ra mà họ hoàn toàn không mong muốn, bên cạnh đó trong nhiều trường hợp họ còn phải chịu áp lực từ các cơ quan tố tụng thậm chí trong nhiều trường hợp là bị thiệt hại do cơ quan tiến hành, tố tụng, báo chí hoặc dư luận xã hội gây ra và việc tôn trọng, bảo vệ người bị hại còn góp phần thực thi công lý, thể hiện bản chất nhân văn, dân chủ của pháp luật và hệ thống tư pháp hình sự.

Trong quá trình hoàn thiện pháp luật TTHS (TTHS) và cải cách tư pháp ở nước ta, quyền con người trong lĩnh vực TTHS nói chung và quyền của người bị hại ngày càng được ghi nhận đầy đủ hơn, thể hiện qua các bước tiến của Bộ luật TTHS (BLTTHS) năm 2003, 2015 và các văn bản dưới luật được ban hành, lần đầu tiên đã có hành lang pháp lý để bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của người bị hại và người thân thích của họ trước nguy cơ bị đe dọa như: quyền được yêu cầu bảo vệ tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng, quyền đề nghị bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường...

Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự và TTHS cho thấy, NBH là người chịu nhiều “thiệt thòi” trong số những người tham gia tố tụng: vị trí vai trò của NBH chưa được các Cơ quan tiến hành tố tụng (THTT) quan tâm (ngoại trừ những trường hợp khởi tố theo yêu cầu của NBH) thì mọi sự tham gia của chủ thể này vào việc giải quyết vụ án hình sự (VAH) hầu hết là bị động (được xem là nghĩa vụ nhiều hơn là quyền). Sự có mặt của họ trong các khâu, qui trình giải quyết vụ án (như khởi tố, Điều tra, thu thập chứng cứ hay quá trình xét xử tại tòa...) chỉ đóng vai trò là một bên tham gia thụ động, các ý kiến hay nguyện vọng của NBH không ảnh hưởng đến kết quả hay diễn biến của TTHS. Việc buộc tội của người bị hại tại phiên tòa mà họ có quyền này chỉ mang tính chất hình thức. Ngay cả chính bản thân NBH cũng không hoặc chưa ý thức được đầy đủ vị trí, vai trò và quyền năng tố tụng của mình trong các giai đoạn khởi tố, Điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

Thực tế đó cho thấy các cơ quan tiến hành tố tụng chưa có nhận thức

đúng, chưa có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của người bị hại và đặc biệt, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng trên là những bất cập của pháp luật TTHS ghi nhận chưa đầy đủ, chưa thoả đáng các quyền của người bị hại, chưa tạo lập được một hành lang pháp lý hợp lý để thực thi các quyền và nghĩa vụ của người bị hại.

Do vậy chúng tôi chọn nghiên cứu đề tài: "**Người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở thực tiễn địa bàn tỉnh Thái Nguyên)**" nhằm góp phần giải quyết một số vướng mắc trong lý luận và thực tế áp dụng, qua đó góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật TTHS về người bị hại ở Việt Nam hiện nay.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Hiện nay đã có một số công trình nghiên cứu về người bị hại trong TTHS Việt Nam, tiêu biểu như:

- Luận án tiến sĩ của chúng tôi Nguyễn Thị Mai (2014), “Quyền của người bị hại trong TTHS”, Viện khoa học và Xã hội Việt Nam; Luận văn thạc sỹ Luật học như của các chúng tôi Lê Nguyên Thanh (2012), “Người bị thiệt hại do tội phạm gây ra trong TTHS”, trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; - Các bài nghiên cứu, bài viết liên quan đến đề tài này được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành như: *Bàn về việc tòa án cấp phúc thẩm có được thay đổi tư cách của người tham gia tố tụng khi xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng*, Tạp chí Tòa án nhân dân tối cao số 24/2005, *Một số vướng mắc khi giải quyết vụ án được khởi tố theo yêu cầu của người bị hại*, Tạp chí kiểm sát số 7/2008, *Một số vấn đề cần chú ý khi xác định người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự*, Tạp chí Tòa án nhân dân số 13/2008, *Người bị hại trong TTHS*, Tạp chí khoa học pháp lý số 01/2007, *Quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng tại phiên tòa hình sự phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao số 5/2004, *Tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự tại phiên tòa phúc thẩm*, Tạp chí Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao số 4/2008, *Việc quy định những người tham gia tố tụng trong Bộ luật TTHS*, Tập san Tòa án nhân dân số 4/2000, *Xác định tư cách người tham gia TTHS*, Tập san Tòa án số 12/1999...

Các công trình trên đã đề cập đến các khía cạnh khác nhau của các quy định trong pháp luật về quyền của người bị hại trong TTHS. Tuy nhiên, trước những thay đổi đáng kể của BLTTHS năm 2015 với các sửa đổi, bổ sung quy định về người bị hại, thủ tục đặc biệt bảo vệ người bị hại cần được xem xét.

Việc tiếp cận các vấn đề trên cơ sở các quy định của pháp luật TTHS

về quyền của người bị hại để đi sâu nghiên cứu thực tế thực thi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên qua đó đánh giá tìm ra các bất cập và các giải pháp hạn chế bất cập chưa được nghiên cứu trước đó. Do vậy, đây là thạc sỹ luật học đầu tiên nghiên cứu vấn đề người bị hại trong TTHS từ giác độ tiếp cận này.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận để có được nhận thức toàn diện, có hệ thống về người bị hại trong TTHS, trên cơ sở thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, luận văn tìm ra các giải pháp nhằm khắc phục những bất cập của pháp luật TTHS và các giải pháp bảo đảm trên thực tế việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ mục tiêu nghiên cứu được xác định như trên, luận văn phải thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

*Thứ nhất*, phân tích làm rõ khái niệm NBH, quyền của NBH trong TTHS Việt Nam, xác định rõ cơ sở pháp lý và nội dung các quyền của NBH; nghiên cứu so sánh lịch sử hình thành và phát triển quyền của NBH trong hệ thống tư pháp hình sự thế giới và Việt Nam; xác định nội dung cơ bản của các quyền và nghĩa vụ của NBH trong TTHS và các cơ chế, Điều kiện bảo đảm hiện thực hóa các quyền đó trong Điều kiện thực tế của Việt Nam.

*Thứ hai*, đánh giá thực trạng các qui định pháp luật về quyền của NBH và thực trạng thực hiện quyền của NBH ở Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên, bao gồm: làm rõ nội dung quyền của NBH và nghĩa vụ thực thi của cơ quan THTT, người THTT; luận giải, mô tả, minh chứng bằng các số liệu, tình huống điển hình về bức tranh hiện thực phản ánh việc thực hiện quyền của NBH, thực trạng bảo đảm và thực thi của cơ quan THTT trong việc bảo đảm quyền của NBH trong TTHS Việt Nam;

*Thứ ba*, đưa ra các luận giải và kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và hoàn thiện các cơ chế bảo đảm quyền của NBH phù hợp với tình hình của Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hiện nay.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của luận văn là các vấn đề lý luận pháp lý TTHS về người bị hại trong TTHS Việt Nam.

Phạm vi nghiên cứu: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu những vấn đề cơ bản về người bị hại trong TTHS và đi sâu nghiên cứu thực tiễn thực thi các quy định về quyền của người bị hại thực tiễn TTHS trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, từ năm 2011 đến năm 2015.

## **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, luận văn triển khai một số phương pháp nghiên cứu cụ thể như phương pháp: hệ thống, logic, phân tích, tổng hợp, so sánh, khảo sát thực tế để chọn lọc tri thức khoa học, kinh nghiệm thực tiễn liên quan đến những vấn đề người bị hại trong TTHS, từ đó làm sáng tỏ nội dung của luận văn.

## **6. Tính mới và những đóng góp của đề tài**

Kế thừa những đề tài nghiên cứu về quyền của người bị hại trong Luật TTHS trước đó, đề tài đưa ra những nghiên cứu mới về cơ sở lý luận, về luật thực định, về các quy định của BLTTHS năm 2015 đối với địa vị pháp lý của người bị hại cũng như những bất cập đang tồn tại trong thực tiễn áp dụng tại tỉnh Thái Nguyên, và đưa ra một số giải pháp tương.

## **7. Cấu trúc của luận văn**

Cấu trúc luận văn gồm ba phần: phần mở đầu, phần nội dung và phần kết luận.

Phần nội dung gồm ba chương:

*Chương 1:* Một số vấn đề lý luận về người bị hại trong pháp luật TTHS

*Chương 2:* Quy định về người bị hại trong pháp luật TTHS Việt Nam và việc thực hiện các quy định về người bị hại qua thực tiễn tố tụng tỉnh Thái Nguyên

*Chương 3:* Một số giải pháp đảm bảo thực hiện quy định về người bị hại trong TTHS

### **Chương 1**

## **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

### **1.1. Khái niệm, đặc điểm người bị hại trong tố tụng hình sự**

#### **1.1.1. Khái niệm**

Theo Từ điển tiếng Việt, “*người bị hại là người chịu sự tác động tiêu cực của việc, hành vi hoặc sự bất kỳ sự tác động nào khác dẫn đến những thiệt thòi, mất mát hay tổn thương cho chính họ*”. Thiệt hại gây ra cho người bị hại có thể là thiệt hại về vật chất hoặc phi vật chất và không giới hạn mức độ thiệt hại

Người bị hại là một khái niệm quen thuộc trong khoa học pháp lý



TTHS, Tuy nhiên, thế nào là người bị hại, phạm vi người bị hại... thì cho đến nay vẫn chưa có sự nhận thức thống nhất, các ý kiến còn khác nhau.

Thứ nhất: Nạn nhân có phải là người bị hại không? Trả lời câu hỏi này, có quan điểm cho rằng người bị hại chính là nạn nhân của tội phạm.

Thứ hai: “*Đối tượng tác động của tội phạm là một bộ phận khách thể của tội phạm bị hành vi phạm tội tác động đến, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại*”. Đối tượng tác động của tội phạm không chỉ là con người mà còn bao gồm các đối tượng vật chất khác và các hoạt động bình thường của chủ thể.

Từ những lập luận trên chúng tôi đề xuất khái niệm về người bị hại trong TTHS như sau: “Người bị hại là một trong số những người tham gia TTHS, bao gồm các cá nhân, cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm **trực tiếp** gây ra, có các quyền và nghĩa vụ tố tụng do pháp luật quy định trong các quan hệ pháp luật TTHS nhất định”. Khái niệm này bao hàm các đặc điểm của người bị hại như sau:

Thứ nhất, về chủ thể, người bị hại là cá nhân, pháp nhân, cơ quan nhà nước hoặc tổ chức khác;

Thứ hai, thiệt hại do tội phạm trực tiếp gây ra có thể là thiệt hại về thể chất, thiệt hại về tinh thần, thiệt hại về vật chất.

Thứ ba, người bị hại là người tham gia tố tụng, họ có địa vị pháp lý của người tham gia tố tụng trong các quan hệ pháp luật TTHS tương ứng.

Việc xác định đúng và đưa người bị hại tham gia tố tụng đúng tư cách sẽ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại sẽ giúp giải quyết vụ án kịp thời nhanh chóng các thiệt hại do tội phạm gây ra đối với người bị hại.

### **1.1.2. Đặc điểm của người bị hại**

#### **1.1.2.1. Đặc điểm về chủ thể**

Về khái niệm người bị hại, Chúng tôi luận văn cho rằng cần phải hiểu đúng chữ “người” ở đây bao gồm cả cá nhân và pháp nhân, xuất phát từ những luận cứ sau:

*Thứ nhất*, lý luận về tư pháp hình sự nói chung, về NBH nói riêng của Việt Nam bị ảnh hưởng sâu sắc bởi lý luận về hình sự, tội phạm học của các nước theo truyền thống dân luật (Civil Law), mà trực tiếp là từ các nước Liên Xô cũ khi dịch định nghĩa về NBH (hay nạn nhân của tội phạm) đều dịch đơn giản từ “person” là “người”, hiểu là “con người tự nhiên” mà quên mất một nghĩa nữa rất quan trọng của từ “person” là “con người pháp lý” hay còn gọi là pháp nhân.

*Thứ hai*, cách hiểu thu hẹp nghĩa của khái niệm NBH, không công nhận pháp nhân là NBH, đã vi phạm đến nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án.

Do đó nếu chỉ dừng lại ở quan niệm NBH theo nghĩa là cá nhân sẽ không xác định được NBH, dẫn đến khó xử lý và đấu tranh với các loại tội phạm như khủng bố, buôn người, đàn áp tôn giáo, chia rẽ chủng tộc, diệt chủng, tội gây chiến...

#### *1.1.2.2. Đặc điểm về thiệt hại*

NBH là người bị tội phạm xâm phạm đến thể chất, tinh thần, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác. Thiệt hại về thể chất tức là thiệt hại về tính mạng, sức khỏe. “Thiệt hại về tinh thần tức là thiệt hại về danh dự, nhân phẩm. Thiệt hại về tài sản là trường hợp NBH có tài sản bị mất, bị chiếm đoạt, bị hủy hoại hoặc bị làm hư hỏng”. Ngoài ra NBH còn có thể bị xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp khác như bị xâm phạm chỗ ở, bị cưỡng bức lao động, bị bắt trái pháp luật...

Vì vậy, theo Chúng tôi, mặc dù NBH có thể có thêm thiệt hại gián tiếp, nhưng Điều kiện đầu tiên và tối thiểu là họ có một thiệt hại trực tiếp từ hành vi phạm tội. Dấu hiệu bị thiệt hại “trực tiếp” cần được quy định rõ trong BLTTHS khi đưa ra khái niệm pháp lý về NBH.

#### *1.1.2.3. Đặc điểm về hình thức pháp lý*

Xét về mặt hình thức, người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra chỉ trở thành NBH trong TTHS khi họ tham gia vào các quan hệ pháp luật TTHS nhất định, nếu chưa tham gia vào các quan hệ pháp luật này, họ thuần túy chỉ là các nạn nhân của tội phạm.

### **1.2. Phân loại người bị hại**

Việc phân loại NBH trong TTHS cũng là một cách tiếp cận giúp phân tích và hiểu sâu sắc thêm nội hàm khái niệm NBH trong TTHS. Kết quả nghiên cứu của Luận văn tiếp cận phân loại NBH dựa trên các căn cứ sau:

#### ***1.2.1. Căn cứ vào yếu tố chủ thể***

Dựa vào yếu tố chủ thể có thể phân loại thành người bị hại là cá nhân và người bị hại là pháp nhân.

- Nhóm NBH là cá nhân.
- Nhóm NBH là tổ chức (pháp nhân)

#### ***1.2.2. Căn cứ vào độ tuổi và sự phát triển về nhận thức***

Căn cứ vào độ tuổi và sự phát triển về nhận thức của NBH, có thể chia thành 2 nhóm đối tượng:

Nhóm 1: NBH là người đã thành niên và có năng lực TNHS.

Nhóm 2: NBH là người chưa thành niên, NBH có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất.

Ngoài người chưa thành niên, người có nhược điểm về thể chất là người bị khuyết tật về thể chất như câm, điếc, mù lòa... hoặc người có nhược điểm về tinh thần như bị hạn chế trong việc nhận thức hoặc Điều khiển hành vi hoặc người hoàn toàn không có khả năng nhận thức và Điều khiển hành vi của mình.

### ***1.2.3. Căn cứ vào các quyền tham gia tố tụng của người bị hại***

Đây là phương pháp tiếp cận mới, phương pháp tiếp cận dựa trên quyền (lấy tiêu chí các quyền của NBH làm thước đo, làm cơ sở để xác định tiêu chí phân loại). Dựa vào phương pháp tiếp cận này, căn cứ vào quyền khi tham gia tố tụng của NBH có thể phân loại thành NBH thành 2 nhóm:

Nhóm 1: NBH có quyền yêu cầu khởi tố VAHS

Nhóm 2: NBH không có quyền yêu cầu khởi tố VAHS.

### ***1.2.4. Căn cứ vào từng loại tội phạm***

Đây là cách phân loại NBH dựa theo cách phân chia các tội phạm cụ thể trong BLHS Việt Nam năm 1999. Theo cách phân loại này có rất nhiều loại NBH, có thể kể đến như: NBH trong vụ án giết người, NBH trong vụ án trộm cắp tài sản, NBH trong vụ án cố ý gây thương tích, NBH trong vụ án cố ý hủy hoại tài sản, NBH trong vụ án hiếp dâm, NBH trong vụ án cưỡng ép kết hôn, NBH trong vụ án trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, NBH trong vụ án dùng nhục hình ...

### ***1.2.5. Căn cứ vào thiệt hại***

Có thể phân loại NBH thành:

+ Người bị thiệt hại về tài sản.

+ Người bị thiệt hại về sức khỏe (thể chất, tinh thần).

+ Người bị thiệt hại về quyền, lợi ích hợp pháp khác (Ví dụ: trường hợp NBH trong vụ án xâm phạm chỗ ở, vụ án vi phạm bí mật thư tín, vụ án bắt giam người trái pháp luật ...).

## **1.3. Địa vị pháp lý của người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự**

Theo từ điển Tiếng Việt thì địa vị pháp lý là “1. Vai trò, chỗ đứng xứng đáng với vai trò, tác dụng có được; 2. Vị trí, chỗ đứng của cá nhân trong xã hội; 3. Chỗ đứng trong cách nhìn nhận, giải quyết vấn đề”.

Như vậy, muốn tìm hiểu địa vị pháp lý của người bị hại thì phải dựa vào vai trò, vị trí của họ trong quan hệ pháp luật TTHS.

### **1.3.1. Quyền của người bị hại trong tố tụng hình sự**

Trên thực tế, có nhiều lý do khác nhau mà quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại trong TTHS chưa được quan tâm và bảo vệ một cách đúng mực. Đôi khi các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ tập trung vào việc xử lý kẻ phạm tội mà quên mất rằng người bị hại chính là những người bị thiệt hại về tài sản, thể chất, tinh thần do hành vi phạm tội gây ra, do vậy việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại là một Điều vô cùng quan trọng. Trong các quyền của người bị hại, chúng tôi chia thành nhóm các quyền sau:

#### **(i) Các quyền được tham gia quá trình chứng minh và truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội của cơ quan tiến hành tố tụng**

- Quyền đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu
- Quyền tham gia phiên tòa, trình bày ý kiến, tranh luận tại phiên tòa
- Quyền yêu cầu khởi tố vụ án hình sự trong một số tội danh và một số loại tội phạm nhất định
- Quyền rút yêu cầu khởi tố
- Quyền trình bày lời buộc tội tại phiên tòa

#### **(ii) Các quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe, danh dự**

- Quyền đề nghị bồi thường và các biện pháp bảo đảm bồi thường
- Quyền được yêu cầu bảo vệ tính mạng, sức khỏe, các quyền và lợi ích hợp pháp khi tham gia tố tụng

#### **(iii) Các quyền tố tụng khác**

Nhóm các quyền tố tụng khác bao gồm các quyền tố tụng phổ biến, cơ bản giống với những người tham gia tố tụng khác, bao gồm:

- Quyền được thông báo về quá trình và kết quả giải quyết vụ án
- Quyền được giải thích về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng
- Quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch
- Quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng
- Quyền kháng cáo
- Quyền nhờ luật sư, bào chữa viên nhân dân hoặc người khác bảo vệ quyền lợi cho mình

### **1.3.2. Nghĩa vụ của người bị hại**

Ngoài các quyền người bị hại được hưởng thì người bị hại còn có các nghĩa vụ pháp lý nhất định. Các nghĩa vụ này thường là:

- Nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

- Nghĩa vụ khai báo, cung cấp những thông tin cần thiết giúp cho làm sáng tỏ sự thật vụ án

## **1.4. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự một số quốc gia trên thế giới**

### **1.4.1. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Liên bang Nga**

Theo BLTTHS liên bang Nga được DUMA quốc gia thông qua ngày 22/11/2001 thì chủ thể tham gia TTHS gồm: “Toà án, các chủ thể tham gia tố tụng thuộc bên buộc tội, các chủ thể tham gia TTHS thuộc bên bào chữa và những chủ thể khác tham gia TTHS”. Trong đó, kiểm sát viên, Dự thẩm viên, Thủ trưởng cơ quan Điều tra, nhân viên Điều tra, người bị hại, nguyên đơn dân sự... thì thuộc nhóm chủ thể tham gia TTHS thuộc bên bào chữa. Tùy theo loại người có những vai trò khác nhau trong TTHS mà pháp luật Liên bang Nga có quy định quyền và nghĩa vụ của họ tham gia giải quyết vụ án. Theo khoản 1 Điều 42 BLTTHS Liên bang Nga thì người bị hại là thể nhân, bị thiệt hại về thể chất tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra, cũng như pháp nhân trong trường hợp bị thiệt hại về tài sản và uy tín do tội phạm gây ra. Người bị hại được công nhận bằng quyết định công nhận người bị hại của kiểm sát viên, dự thẩm viên hoặc Tòa án. Địa vị pháp lý của người bị hại trong Luật TTHS Liên bang Nga được quy định bằng các quyền và nghĩa vụ rất cụ thể.

### **1.4.2. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Cộng hòa liên bang Đức**

Theo luật TTHS Cộng hòa liên bang Đức thì các đối tượng tham gia vào quan hệ tố tụng để giải quyết vụ án đều là chủ thể tham gia tố tụng. Tùy theo loại người có những vai trò khác nhau trong TTHS mà pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ của họ tham gia giải quyết vụ án. Trong luật TTHS hình sự Cộng hòa liên bang Đức thì người bị hại là nạn nhân của tội phạm trước đây có vai trò không đáng kể trong TTHS Cộng hòa liên bang Đức.

### **1.4.3. Người bị hại trong luật tố tụng hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**

Theo luật TTHS Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thì các đối tượng tham gia vào quan hệ tố tụng đều là chủ thể tham gia tố tụng. Người bị hại

trong TTHS nước công hoà nhân dân Trung Hoa được phân thành hai loại là người bị hại trong vụ án thuộc công tố và người bị hại trong vụ án thuộc tư tố. Người bị hại trong vụ án thuộc công tố từ ngày vụ án được chuyển giao để thẩm tra trước khi truy tố, có quyền chỉ định người đại diện liên quan đến vụ án.

*“Trong trường Viện kiểm sát nhân dân cấp trên đồng ý với quyết định miễn tố thì người bị hại có thể kiện ra Toà án nhân dân. Người bị hại cũng có thể trực tiếp kiện ra Toà án nhân dân mà không cần phải khiếu nại trước quyết định miễn tố của Viện kiểm sát nhân dân”.* Đối với vụ án tư tố người bị hại có quyền chỉ định người đại diện pháp lý cho mình và có quyền trực tiếp đưa vụ án ra trước toà. Nếu người bị hại chết hoặc mất khả năng hành động, người đại diện pháp lý và họ hàng thân thích có quyền đưa vụ án ra trước toà.

## **Tiểu kết chương 1**

### **Chương 2**

## **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỐ TỤNG VIỆT NAM VỀ NGƯỜI BỊ HẠI VÀ THỰC TRẠNG THỰC HIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ HIỆN HÀNH VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN**

### **2.1. Lịch sử quy định của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam về người bị hại**

Trong nội dung này của luận văn, chúng tôi nghiên cứu lịch sử quy định của pháp luật TTHS Việt Nam về người bị hại phân chia theo các giai đoạn điển hình, gồm: thời kỳ Pháp thuộc, thời kỳ từ năm 1945 đến trước năm 1988; thời kỳ từ năm 1988 đến trước năm 2003 và thời kỳ từ năm 2003 đến nay.

#### **2.1.1. Thời kỳ Pháp thuộc**

Thời kỳ này có ba Bộ luật hình sự tố tụng khác nhau được áp dụng tại Nam kỳ, Trung kỳ và Bắc kỳ. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu lịch sử pháp luật khẳng định chỉ còn lại BLTTHS áp dụng tại Bắc kỳ, còn hai bộ luật còn lại chưa tìm được. Nghiên cứu BLTTHS áp dụng tại Bắc kỳ, có thể rút ra những đặc điểm sau liên quan đến NBH và quyền của NBH. Cụ thể:

Thứ nhất, Bộ luật hình sự tố tụng áp dụng tại Bắc kỳ gồm 13 chương với 211 Điều, trong đó có dành qui định liên quan đến NBH và quyền của NBH tại Điều 20, 51.

Thứ hai, BLTTHS thời kỳ này đã có định nghĩa về NBH tại Điều 9 Bộ luật hình sự tố tụng quy định về NBH như sau: "*Bất cứ người nào phạm đã bị hại về trọng tội hoặc khinh tội, thì đều được có quyền xin minh cứu. NBH này có thể khai miệng hoặc làm đơn mà không tố với quan hành chánh hoặc quan tư pháp*".

Thứ ba, Bộ luật hình sự tố tụng áp dụng tại Bắc kỳ không đưa ra định nghĩa pháp lý của khái niệm chứng cứ, tuy nhiên có xác định lời khai của NBH là một loại nguồn chứng cứ.

Thứ tư, đã có qui định về thủ tục lấy chứng cung (lấy lời khai của NBH hoặc người làm chứng).

Thứ năm, đặc biệt BLTTHS thời kỳ này đã qui định về sự tham gia của người không tố (người tố cáo, NBH) tại phiên tòa và được tham gia thủ tục xét hỏi.

Thứ sáu, NBH được qui định có quyền được biết về bản án và NBH (hoặc người đại biểu đúng phép hoặc người thừa kế của NBH) có quyền kháng cáo.

Từ sự phân tích ở trên, có thể rút ra kết luận: Pháp luật TTHS nước ta thời kỳ thực dân Pháp xâm lược chịu ảnh hưởng nặng nề của pháp luật TTHS Pháp. Tuy đây là công cụ để thực dân Pháp duy trì chế độ thực dân xâm lược, nhưng bên cạnh đó, xét về mặt khoa học pháp lý, một số quy định của pháp luật TTHS thời kỳ này đã có những bước phát triển vượt bậc, đặc biệt là bảo đảm quyền năng tố tụng của những người tham gia tố tụng, trong đó có NBH...

### ***2.1.2. Thời kỳ từ năm 1945 đến trước năm 1988***

Thời kỳ này có 5 văn bản quan trọng liên quan đến sự phát triển của hệ thống tư pháp hình sự, gồm: Hiến pháp 1946, Sắc lệnh số 69-SL về việc cho phép các bị can có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bên vực trước Tòa án; Sắc lệnh số 85-SL ngày 22/5/1950 qui định về tổ chức cải cách Tòa án và Thông tư số 16-TATC ngày 27/9/1974 của TANDTC hướng dẫn về trình tự tố tụng sơ thẩm về hình sự và bản Hiến pháp năm 1980.

Mặc dù trong thời kỳ này, Nhà nước ta ban hành hai bản Hiến pháp (Hiến pháp 1946 và bản Hiến pháp 1980). Các bản Hiến pháp này được xem là một nguồn quan trọng của pháp luật TTHS, tuy nhiên, riêng về chế định quyền con người trong TTHS nói chung và NBH, quyền của NBH nói riêng thì không có sự phát triển nào được ghi nhận.

### ***2.1.3. Thời kỳ từ năm 1988 đến trước năm 2003***

Thời kỳ này đánh dấu sự pháp điển hóa pháp luật TTHS với việc ra

đời BLTTHS đầu tiên của nước CHXHCN Việt Nam. Đây được xem là “bước nhảy” trong lịch sử phát triển pháp luật hình sự và TTHS của Việt Nam. Nghiên cứu các qui định pháp luật TTHS Việt Nam về quyền của NBH thời kỳ này cho phép kết luận:

Thứ nhất, BLTTHS năm 1988 (Quốc hội thông qua ngày 28/6/1988, có hiệu lực thi hành từ ngày 1/1/1989) là kết quả tổng kết kinh nghiệm của hơn 40 năm hoạt động tư pháp hình sự, là sự thể chế hóa đường lối đổi mới trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, ngoài BLTTHS 1988 và Hiến pháp năm 1992, pháp luật TTHS còn ghi nhận sự phát triển về quyền của NBH trong các văn bản pháp luật TTHS...

Thứ ba, giai đoạn 1988 đến trước 2003 đã đánh dấu và ghi nhận bước phát triển vượt bậc trong việc tôn trọng và ghi nhận quyền của NBH trong TTHS Việt Nam.

#### ***2.1.4. Thời kỳ từ năm 2003 đến nay***

Các văn bản pháp luật liên quan đến NBH và quyền của NBH trong hệ thống pháp luật hình sự và TTHS Việt Nam giai đoạn từ năm 2003 đến nay hầu hết là các văn bản pháp luật còn hiệu lực thi hành.

Hệ thống hoá các văn bản pháp luật hiện hành có qui định liên quan đến NBH và quyền của NBH trong TTHS gồm các văn bản pháp lý sau:

*Thứ nhất*, định danh lại chủ thể là “bị hại” chứ không phải là “người bị hại”

*Thứ hai*, thay đổi tên gọi người đại diện hợp pháp của người bị hại thành người đại diện theo pháp luật của bị hại

*Thứ ba*, quy định một số quyền mới của bị hại

- Quyền đưa ra chứng cứ của bị hại
- Quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và những người tham gia phiên tòa
- Quyền nhờ người bảo vệ quyền lợi của mình
- Quyền được tham gia một số hoạt động tố tụng
- Quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản của mình hoặc của người thân khi bị đe dọa

*Thứ tư*, sửa đổi quy định về nghĩa vụ của bị hại theo hướng mở rộng và gắn với các biện pháp cưỡng chế nếu vi phạm nghĩa vụ



- Nghĩa vụ có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

- Nghĩa vụ khai báo, giám định, cung cấp tài liệu cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng

## **2.2. Thực trạng thực hiện quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành về người bị hại tại tỉnh Thái Nguyên**

### **2.2.1. Tình hình thụ lý, giải quyết các vụ án hình sự của Toà án hai cấp tỉnh Thái Nguyên trong những năm gần đây**

Thái Nguyên là một tỉnh miền núi trung du đông bắc bộ, có diện tích đất tự nhiên là 356.282 km<sup>2</sup>, phía bắc tiếp giáp với tỉnh Bắc Cạn, phía tây tiếp giáp với tỉnh Tuyên Quang, phía tây nam tiếp giáp với tỉnh Vĩnh Phúc, phía nam tiếp giáp với TP Hà Nội, phía đông nam tiếp giáp với tỉnh Bắc Giang và phía đông bắc giáp với tỉnh Lạng Sơn; có 8 dân tộc cùng sinh sống gồm: Kinh, Tày, Nùng, Sán diu, Sán chay, Dao, Hmông và Hoa; có 9 huyện, thị xã, thành phố.

Hàng năm, Toà án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đã xét xử một số lượng rất lớn án hình sự số lượng án phải giải quyết theo hướng tăng dần, năm sau cao hơn năm trước. Tuy nhiên, do không có đủ thời gian để thu thập dữ liệu do vậy chúng tôi chỉ dùng số liệu thu thập được từ toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2015 theo bảng sau:

**Bảng 2.1: Số liệu toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn từ năm 2011 đến hết năm 2015**

<b>Năm</b>	<b>Án sơ thẩm</b>					<b>Án phúc thẩm</b>		
	<i>Tổng số vụ xét xử sơ thẩm</i>	<i>Số bị cáo</i>	<i>Số vụ có kháng cáo</i>	<i>Số vụ kháng cáo do người bị hại kháng cáo</i>	<i>Số án bị hủy</i>	<i>Tổng số vụ xét xử Phúc thẩm</i>	<i>Số vụ án phúc thẩm có người bị hại</i>	<i>Số vụ án bị hủy</i>
2011	1198	1857	215	30	6	210	34	6
2012	1269	2025	220	47	15	238	50	5
2013	1372	2273	224	23	4	224	31	3
2014	1276	2241	249	32	5	246	38	10
2015	1196	1958	229	24	14	205	27	10

(Nguồn: số liệu tại văn phòng TAND tỉnh Thái Nguyên)

### **2.2.2. Thực tiễn áp dụng quy định người bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên**

Trong thống kê, báo cáo của các cơ quan tố tụng chưa có báo cáo số lượng, phân loại người bị hại trong tổng số vụ án. Do vậy, đánh giá thực hiện quy định về NBH gặp rất nhiều khó khăn.

Qua số liệu thu thập tại Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong 02 năm 2014, 2015 thì số tin báo tố giác tội phạm là 4.153 tin thì số tin báo do nạn nhân bị hại cung cấp là 291 tin chiếm tỷ lệ 0,7%.

Số vụ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại cũng chiếm tỷ lệ rất nhỏ, cụ thể:

**Bảng 2.2: Số vụ khởi tố vụ án theo yêu cầu của người bị hại**

Năm	Số vụ khởi tố		
	Tổng	Khởi tố theo yêu cầu của người bị hại hoặc đại diện của người bị hại	Tỷ lệ
2011	1319	142	10,7%
2012	1425	173	12,1%
2013	1275	144	11,2%
2014	1463	137	9,4%
2015	1272	102	8%

*(Nguồn Phòng thống kê Viện Kiểm sát tỉnh cung cấp)*

Qua phân tích một số vụ án và thực tiễn xét xử tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên cho thấy: thực trạng thực hiện các quy định của BLTTHS năm 2003 về NBH tồn tại một số hạn chế điển hình như: xác định sai tư cách người bị hại; xác định người mà theo quy định của Bộ luật hình sự thì tội phạm đó không có người bị hại; vấn đề liên quan đến việc quy định và thực hiện các quyền của người bị hại; vấn đề đối với người đại diện hợp pháp của người bị hại; vấn đề trình bày lời buộc tội của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại; vấn đề về nghĩa vụ khai báo của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại

Có nhiều vụ án xác định không đúng tư cách tham gia tố tụng của người bị hại; xác định sai người bị hại, hoặc liên quan đến sự vắng mặt của người bị hại; người đại diện cho người bị hại tại phiên toà... Do vậy đã dẫn đến việc giải quyết vụ án không đúng, kéo dài, xâm phạm đến quyền và lợi ích của người bị hại nói riêng và người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự nói chung. Trong thực tiễn công tác Điều tra, truy tố, xét xử thường xảy ra trong các trường hợp sau:

*Một là: xác định sai tư cách người bị hại*

*Hai là: xác định người mà theo quy định của Bộ luật hình sự thì tội phạm đó không có người bị hại*

*Ba là: Vấn đề liên quan đến việc quy định và thực hiện các quyền của người bị hại*

*Bốn là: Đối với người đại diện hợp pháp của người bị hại*

*Năm là: Vấn đề trình bày lời buộc tội của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại*

*Sáu là: Vấn đề về nghĩa vụ khai báo của người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại*

### **2.3. Nguyên nhân của những hạn chế trong việc thực hiện quy định về người bị hại theo Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên**

Những bất cập, hạn chế trong thực tiễn bảo đảm quyền của NBH trong TTHS Việt Nam thời gian qua là xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, theo chúng tôi, về cơ bản có ba nguyên nhân chính sau:

#### **2.3.1. Nhận thức về quyền của người bị hại chưa đầy đủ**

Đánh giá nguyên nhân của thực trạng bất cập trong bảo đảm quyền của NBH Chúng tôi cho rằng nguyên nhân chính, cơ bản nhất là do xuất phát từ chính nhận thức không đầy đủ về quyền của người bị hại từ chính cơ quan lập pháp, từ phía cơ quan THTT, người THTT và từ chính NBH.

##### **2.3.1.1. Từ phía cơ quan lập pháp**

Chúng tôi cho rằng từ phía cơ quan lập pháp, các nhà làm luật ở Việt Nam hiện nay chưa nhận thức đầy đủ lý luận về quyền của NBH cũng như tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức về quyền của NBH. Do chính lý luận về mục tiêu của hệ thống tư pháp hình sự ở Việt Nam chưa hướng đến NBH mà chỉ tập trung vào việc nhằm chứng minh tội phạm, chứng minh người phạm tội và đấu tranh phòng, chống, thông qua đó bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước và công dân.

##### **2.3.1.2. Từ phía người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng**

Điều tra viên trong quá trình chứng minh, tìm sự thật VAHS chỉ chú trọng đến bị can, lỗi của bị can, cũng như diễn biến quá trình, hành vi phạm tội. NBH vì thế, trong quan niệm của người THTT, đóng vai trò như là một “đối tượng tác động nhằm gây thiệt hại” của hành vi phạm tội.

##### **2.3.1.3. Từ phía người bị hại**

Hạn chế về nhận thức quyền của NBH biểu hiện rõ nhất là NBH

không ý thức được mình là một chủ thể có quyền (quyền nhiều hơn nghĩa vụ) khi tham gia tố tụng. Tâm lý “sợ sệt”, né tránh tội phạm đồng thời phải “mang ơn” ĐTV, KSV, cán bộ tòa án và cơ quan THTT có tính phổ biến khi NBH tham gia TTHS. Hầu hết NBH không nhận thức hết được quyền và nghĩa vụ của mình trong TTHS nên khá thụ động khi tham gia tố tụng.

### ***2.3.2. Hệ thống quy phạm pháp luật về người bị hại chưa hoàn thiện***

Đây là nguyên nhân có ảnh hưởng lớn nhất tới thực trạng bất cập trong thực hiện quyền của NBH trên thực tế. Mặc dù BLTTHS năm 2003, Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự 2004 đã có những sửa đổi, hoàn thiện đáng kể, trong đó có ghi nhận sự tiến bộ của các chế định liên quan đến NBH và quyền của NBH.

### ***2.3.3. Cơ chế bảo đảm quyền của người bị hại chưa hiệu quả***

Theo nghĩa rộng, khi đề cập đến cơ chế bảo đảm quyền của NBH, cần xét đến các vấn đề vĩ mô (thuộc về kiến trúc thượng tầng) như: mô hình tố tụng, truyền thống lập pháp, lý luận về mục tiêu của hệ thống tư pháp hình sự, cơ quan chuyên trách bảo vệ quyền của NBH... Theo nghĩa hẹp, cần đề cập đến các vấn đề vi mô (cơ sở hạ tầng) như: vận hành bộ máy và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ quan chuyên trách bảo vệ NBH, biện pháp tổ chức thực hiện quyền, tài chính, nhân lực phục vụ cho công tác bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy quyền của NBH.

## **Tiểu kết Chương 2**

## **Chương 3**

# **ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO THỰC HIỆN QUY ĐỊNH VỀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

## **3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật**

### ***3.1.1. Kiến nghị Sửa đổi, bổ sung khái niệm người bị hại***

BLTTHS 2003 quy định: “*Người bị hại là người bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra*”. Trong BLTTHS 2003, các nhà làm luật chỉ quy định người bị hại mà không có quy định về tổ chức bị thiệt hại. Do vậy để khắc phục những yếu kém trong quá trình lập pháp, BLTTHS 2015 đã quy định: “*Bị hại gồm cá nhân trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra*”. Tuy nhiên BLTTHS 2015 đã tạm dừng và chưa có hiệu lực. Do vậy chúng tôi xin kiến nghị sửa đổi một số nội dung của luật TTHS 2003 thực định như sau:

Bổ sung khái niệm Bị hại như sau: “*Bị hại gồm cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm trực tiếp gây ra hoặc đe dọa gây ra*”.

### **3.1.2. Kiến nghị bổ sung, sửa đổi khoản 2 Điều 51 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 về một số quyền, nghĩa vụ cơ bản của người bị hại**

Việc qui định các quyền và nghĩa vụ của NBH theo trình tự tố tụng như tại Khoản 2 Điều 51 BLTTHS năm 2003 có nhược điểm là bỏ sót một số quyền rất quan trọng và thiết thân của NBH như: quyền được công nhận là NBH, quyền được tham gia vào tiến trình giải quyết VAHS, quyền được bảo vệ, quyền được đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu trong bất kỳ giai đoạn nào của tiến trình tố tụng.

Vì vậy, Chúng tôi tán thành với quy định của Điều 62 BLTTHS năm 2015 do đã khắc phục được những nhược điểm của Điều 51 BLTTHS năm 2003. Như vậy, các quyền và nghĩa vụ của NBH bao gồm:

Tuy nhiên, chúng tôi cũng cho rằng cần bổ sung thêm một số quyền của NBH như sau:

Thứ nhất, quyền được thông báo về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội

Thứ hai, quyền được đề nghị cơ quan có thẩm quyền THTT áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội như

Thứ ba, quyền được thông báo và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan do những người khác cung cấp mà không chỉ là quyền được trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan do họ đưa ra.

Thứ tư, quyền được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa mà không chỉ là quyền được xem biên bản phiên tòa.

Thứ năm, sửa đổi quy định về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa thành *yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định áp dụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa* để thống nhất với cách sử dụng thuật ngữ tại Chương 34 của BLTTHS năm 2015.

Như vậy, chúng tôi đề xuất sửa đổi Điều 62 BLTTHS năm 2015 như sau:  
*Bị hại hoặc người đại diện của họ có quyền:*

- a) Được thông báo, giải thích quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều này;
- b) Đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu;
- c) Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan; và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá; **được thông báo và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan do những người khác cung cấp;**
- d) Đề nghị giám định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật;
- đ) Được thông báo kết quả Điều tra, giải quyết vụ án;
- e) Đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật;
- g) **Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội, biện pháp bảo đảm bồi thường thiệt hại; được thông báo về việc áp dụng thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội;**
- h) Đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, ~~biện pháp bảo đảm bồi thường;~~
- i) Tham gia phiên tòa; trình bày ý kiến, đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo và người khác tham gia phiên tòa; tranh luận tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; xem biên bản phiên tòa;
- k) Tự bảo vệ, nhờ người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình;
- l) Tham gia các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật này;
- m) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng **quyết định áp dụng** bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa;
- n) Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án;
- o) Khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;
- p) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại thì bị hại hoặc người đại diện của họ trình bày lời buộc tội tại phiên tòa.

4. Bị hại có nghĩa vụ:

- a) Có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dân giải;

*b) Chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.*

*5. Trường hợp bị hại chết, mất tích, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự thì người đại diện thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại quy định tại Điều này.*

*Cơ quan, tổ chức là bị hại có sự chia, tách, sáp nhập, hợp nhất thì người đại diện theo pháp luật hoặc tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó có những quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều này.*

### **3.1.3. Bổ sung quy định về quyền được trợ giúp pháp lý cho người bị hại**

Điều 10 Luật trợ giúp pháp lý quy định đối tượng được trợ giúp pháp lý gồm:

1. Người nghèo.
2. Người có công với cách mạng.
3. Người già cô đơn, người tàn tật và trẻ em không nơi nương tựa.
4. Người dân tộc thiểu số thường trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Chúng tôi cho rằng, cần thiết bổ sung các trường hợp được trợ giúp pháp lý dành cho NBH ngoài phạm vi quy định của Luật Trợ giúp pháp lý hiện hành. Cụ thể trong trường hợp bị hại đã chết mà người đại diện của người bị hại là người già, người chưa thành niên hoặc bị thương tật từ 61% có quyền nhận sự hỗ trợ pháp lý từ nhà nước như đối với bị cáo bị kết án chung thân, tử hình...

## **3.2. Một số giải pháp khác**

### **3.2.1. Nâng cao nhận thức về quyền của người bị hại**

Để nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ pháp lý của NBH cho chính NBH, theo chúng tôi, cần tăng cường các hình thức tuyên truyền như:

- Phát tờ rơi, tờ bướm tại cơ quan Điều tra, viện kiểm sát, toà án về các quyền và nghĩa vụ của người bị hại với nội dung, hình thức đơn giản, sinh động. Đặc biệt áp dụng hình thức này trong các phiên tòa lưu động sẽ có tác dụng lớn

- Dán thông báo về quyền và nghĩa vụ của người bị hại tại trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng;

- Thiết lập đường dây nóng tư vấn thông tin về trợ giúp pháp lý hoặc

tổ chức hành nghề luật sư, về báo tin đề nghị áp dụng biện pháp bảo vệ khi bị đe dọa, không chế.

### ***3.2.2. Thực hiện hiệu quả Thông tư 13/2013/TTLT-BCA-BQP-VKSNDTC-TANDTC về bảo vệ người làm chứng, người bị hại, người tố giác tội phạm***

Trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, những thông tin do người tố giác, người làm chứng, người bị hại cung cấp có ý nghĩa hết sức quan trọng, góp phần giúp các cơ quan chức năng phát hiện tội phạm và giải quyết đúng đắn, triệt để vụ án hình sự.

Vì vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần thực hiện tốt việc tuyên truyền Thông tư này và có sự phối hợp tốt trong việc thực hiện để tạo niềm tin của nhân dân và những người bị hại trong việc hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc phát hiện, Điều tra, xử lý các vụ án hình sự.

### ***3.2.3. Nâng cao trình độ pháp lý nghiệp vụ, ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp của những người tiến hành tố tụng***

Bên cạnh việc tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ theo quy định chung trong giai đoạn hiện nay thì đòi hỏi phải thường xuyên bồi dưỡng kiến thức pháp lý và kinh nghiệm thực tiễn trong việc xác định người tham gia TTHS nói chung và người bị hại nói riêng cho những người THTT.

### ***3.2.4. Xã hội hoá các biện pháp hỗ trợ người bị hại***

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, các phương tiện nghe nhìn là một lợi thế trong công tác tuyên truyền pháp luật. Để bảo vệ quyền của người bị hại nên cần xây dựng các phương thức thực hiện xã hội hóa các biện pháp hỗ trợ người bị hại như: tư vấn miễn phí cho người bị hại tại Hội Luật gia, Đoàn Luật sư, xây dựng trang web để lập diễn đàn mạng trong cộng đồng người bị hại để chia sẻ kinh nghiệm, chia sẻ nỗi đau mất mát, giới thiệu các trung tâm tư vấn...

## **Tiểu kết Chương 3**

## **KẾT LUẬN**

Người bị hại là một chủ thể quan trọng của quan hệ pháp luật TTHS, NBH không nên được nhìn nhận như là một “nạn nhân” mà cần được tiếp cận là một chủ thể mang quyền và tham gia tích cực vào quá trình giải quyết Vụ án hình sự. Quyền của NBH nói chung và quyền của NBH trong TTHS nói riêng là một trong những chuẩn mực quốc tế về quyền con người trong tư pháp hình sự cần được ghi nhận và bảo đảm thực hiện.



Về mặt lý luận, Luận văn đã sử dụng đồng thời các phương pháp tiếp cận truyền thống và phương pháp tiếp cận mới, tiếp cận dựa trên quyền, để nghiên cứu làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về quyền của NBH trong TTHS và rút ra các kết luận đáng lưu ý gồm: khái niệm về NBH; khái niệm về quyền của NBH; phân loại người bị hại; phân loại các quyền của NBH; làm rõ Chủ thể quyền, Nghĩa vụ thực thi quyền, Cơ chế bảo đảm quyền của NBH.

Về mặt thực tiễn, bằng việc đánh giá thực trạng các quy định của BLTTHS 2003 về NBH và đặc biệt qua khảo sát thực trạng thực hiện quyền của NBH trong TTHS (dựa trên hồ sơ các vụ án đã được giải quyết tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên), Chúng tôi đã đánh giá thực trạng thực hiện quyền của NBH và tìm ra một số nguyên nhân chủ yếu đó là: Nhận thức về quyền của người bị hại chưa đầy đủ; nguyên nhân từ phía cơ quan lập pháp; nguyên nhân từ phía người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng; nguyên nhân từ phía người bị hại; nguyên nhân hệ thống pháp luật về người bị hại chưa hoàn thiện; Cơ chế bảo đảm quyền của người bị hại chưa hiệu quả.

Đồng thời, đưa ra một số giải pháp như:

- Bổ sung khái niệm Bị hại như sau: *“Bị hại gồm cá nhân bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản và cơ quan, tổ chức bị thiệt hại về tài sản, uy tín do tội phạm **trực tiếp** gây ra hoặc đe dọa gây ra”*.

- Bổ sung một số quyền cho người bị hại so với BTLHS năm 2015 như:

+ Được thông báo về việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn đối với người bị buộc tội;

+ Được đề nghị cơ quan có thẩm quyền THTT áp dụng các biện pháp cưỡng chế đối với người bị buộc tội như: kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong những vụ án mà NBH có thể được bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, sửa chữa tài sản bị hư hỏng... do hành vi phạm tội gây ra.

+ Được thông báo và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan do những người khác cung cấp mà không chỉ là quyền được trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan do họ đưa ra.

+ Được xem biên bản phiên tòa, yêu cầu ghi những sửa đổi, bổ sung vào biên bản phiên tòa mà không chỉ là quyền được xem biên bản phiên tòa.

+ Sửa đổi quy định về yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và

lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa thành *yếu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng quyết định áp dụng bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa* để thống nhất với cách sử dụng thuật ngữ tại Chương 34 của BLTTHS năm 2015.

Như vậy, với tâm hiểu biết hạn chế và trong phạm vi có hạn của Luận văn, Chúng tôi cố gắng phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về quyền của người bị hại trong TTHS Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Thái Nguyên để từ đó kiến nghị những giải pháp hoàn thiện pháp luật và cơ chế bảo đảm quyền của NBH ở Việt Nam trên thực tế. Luận văn đã góp phần nâng cao nhận thức về quyền của NBH trong TTHS Việt Nam nói chung và trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên nói riêng và bổ sung, hoàn thiện lý luận về quyền của NBH trong tư pháp hình sự. Thông qua đó, đã thiết thực thực hiện mục tiêu góp phần hoàn thiện chế định về quyền của người bị hại trong khoa học pháp luật hình sự và TTHS Việt Nam.